TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **56** /2025/HNGĐ - ST
Ngày 07/8/2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Lâm

Ông Nguyễn Văn Thư

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên Nhi - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân khu vực 5.

- Đ diện Viện kiểm sát ND khu vực 5- Thanh hóa tham gia phiên tòa:

Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Thanh hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 79/2025/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2025, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị Đồng Thị T - Sinh năm 1995.

Nơi ĐKHKTT: Thôn B Đ, xã Nga Sơn, tỉnhThanh Hóa. (Địa chỉ trước khi sáp nhập: Thôn B Đ, xã Ng H, huyện Nga Sơn). Nơi ở hiện nay: Thôn H Ph, xã Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

*Bị đơn: Anh Ngô Văn Đ - Sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn B Đ, xã Nga Sơn, tỉnhThanh Hóa. (Địa chỉ trước khi sáp nhập: Thôn B Đ, xã Ng Hi, huyện Nga Sơn).

Tại phiên tòa chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn, chị Đồng Thị T trình bày:

**Về hôn nhân:* Chị T và anh Ngô Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND (xã Ng B, huyện Nga Sơn cũ), này

là xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, ngày 24/02/2016. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống bình thường với nhau đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mặc dù chị T đã cố gắng tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2024 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, để đoàn tụ được nữa, nên chị T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

** Về con chung:* Chị Đồng Thị T xác định: Vợ chồng có 02 con chung, cháu Ngô Anh Q, sinh ngày 12/10/2016; cháu Ngô Gia B, sinh ngày 03/9/2022. Ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giao cháu B cho chị trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, giao cháu Q cho anh Đ trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

** Về tài sản và nợ chung:* Chị Đồng Thị T xác định vợ chồng có một số tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận, nên chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Đối với bị đơn – Anh Ngô Văn Đ: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đ không đến Tòa án để giải quyết việc chị T xin ly hôn anh, nên không thể hiện quan điểm của anh Đ về việc ly hôn và nuôi con. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, cho ông Ngô Văn Th là bố đẻ của anh Đ, nhưng anh Đ vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đồng Thị T, cho chị T được ly hôn anh Ngô Văn Đ; về con chung: Giao cháu Ngô Gia B cho chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, giao cháu Ngô Anh Q cho anh Đ trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

. Về án phí: Chị Đồng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa chị Đồng Thị T và anh Ngô Văn Đ là tranh chấp dân sự. Bị đơn có địa chỉ thôn B Đ, xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, (thôn B Đ, xã Ng H, huyện Nga Sơn cũ) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị Quyết số 01/2025/NQ – HĐTP ngày 27/6/2025 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao.

[2]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, như tống đạt văn bản: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho người thân của anh Đ, nhưng tại các buổi hòa giải anh Đ vắng mặt, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Đ và đề nghị HĐXX tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tòa án đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 24/7/2025, anh Đ vắng mặt, Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa và xét xử lần thứ hai vào ngày 07/8/2025 anh Đ tiếp tục vắng mặt, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3]. Về nội dung vụ án:

**Về hôn nhân:* Chị Đồng Thị T và anh Ngô Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND (xã Ng B, huyện Nga Sơn cũ), này là xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, ngày 24/02/2016, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị T, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường với nhau đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tình tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2024 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa, nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù anh Đ không đến Tòa để trình bày quan điểm của mình, nhưng Tòa án cũng đã động viên

chị T, bỏ qua nhưng mâu thuẫn gia đình để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng chị T cho rằng chị đã cố gắng tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả, nên chị cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh Đ đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh Đ là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung, cháu Ngô Anh Q, sinh ngày 12/10/2016; cháu Ngô Gia B, sinh ngày 03/9/2022. Ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giao cháu B cho chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, Giao cháu Q cho anh Đ trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Xét thấy: Đề nghị của chị T về việc chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là hoàn toàn chính đáng, trên cơ sở nguyện vọng của cháu Q khi bố mẹ ly hôn cháu đề nghị được ở với anh Đ. Do đó HĐXX chấp nhận đề nghị của chị T. Giao cháu B cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, Giao cháu Q cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

** Về tài sản và nợ chung:* Chị Đồng Thị T xác định vợ chồng có một số tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận, nên chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

[4].Về án phí: Chị Đồng Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự. Điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị Quyết số 01/2025/NQ – HĐTP, ngày 27/6/2025 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao.

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

***Xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đồng Thị T về việc "Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Ngô Văn Đ.

1. **Về hôn nhân:** Chị Đồng Thị T được ly hôn anh Ngô Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Anh Q, sinh ngày 12/10/2016 cho anh Ngô Văn Đ trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; Giao cháu Ngô Gia B, sinh ngày 03/9/2022 cho chị Đồng Thị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Anh Đ, chị T có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

***Về án phí:** Chị Đồng Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0006556 ngày 09/5/2025 của chi Cục thi hành án dân sự huyện Nga Sơn(Nay là Phòng THADS khu vực 5 – Thanh Hóa). chị T đã nộp đủ án phí DSST.

***Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc) ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7A và 9 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Chuyên

Nơi nhận:
- VKSND khu vực5;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực5;
- UBND xã Nga Sơn, tỉnh Thanh hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.